TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 562/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Ông Vũ Trung Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Vũ Xuân N, sinh năm 1990, CCCD 079190009552, cấp ngày 20/01/2022;

Địa chỉ: 3 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1989, CCCD 079089000876, cấp ngày 07/11/2021;

Địa chỉ: F K, V, BC V5S 2Y4, Canada.

(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Mai Vũ Xuân N trình bày: Bà và ông Lê Hoàng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/Q1 ngày 28/4/2016.

Khoảng thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Nhưng khoảng thời gian sau, bà và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, nhiều lần cãi nhau về vấn đề nơi ở sinh sống học tập cùng nhau, ông T mong muốn học tập và làm việc ở đất nước Canada, bà N thì mong muốn làm việc và sinh sống tại Việt Nam, do khoảng cách địa lý xa xôi khiến cho tình cảm của ông bà ngày càng mờ nhạt, không còn cảm xúc về sự yêu thương trong hôn nhân. Không có tiếng nói chung trong gia đình, kinh tế cũng riêng biệt, dần dần ông bà hạn chế liên lạc với nhau. Bà vào ông T đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để hai bên thay đổi và hòa hợp nhưng đều không thành. Đến nay mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân nhiều năm. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn - ông Lê Hoàng T trình bày: Ông và bà Mai Vũ Xuân N có chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/Q1 ngày 28/4/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi kết hôn ông bà tự nguyện tìm hiểu không bị lừa dối ép buộc. Khoảng thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau đó do bất đồng quan điểm sống, khoảng cách đại lý xa xôi làm cho tình cảm của ông bà cạn dần, không còn tình cảm với nhau nữa. Nay bà Mai Vũ Xuân N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Mai Vũ Xuân N vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Hoàng T vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên khai không có.

Ông Lê Hoàng T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là bà Mai Vũ Xuân N nộp đơn xin ly hôn với bị đơn là ông Lê Hoàng T. Ông T hiện đang cư trú tại F K, V, BC V5S 2Y4, Canada, bà N hiện đang cư trú tại 3 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, ông Lê Hoàng T có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 33/Q1 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/4/2016 thì quan hệ hôn nhân của bà M Vũ Xuân N và ông Lê Hoàng T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn thì trước đây ông bà sống với nhau hành phúc. Nhưng sau đó, hai bên bất đồng quan điểm sống, ông T muốn học tập và sinh sống tại Canada, còn bà N muốn sống ở Việt Nam nên ông bà đã sống ly thân lâu năm. Do khoảng cách địa lý xa xôi, không còn sự quan tâm, chăm sóc giữa vợ chồng, tình cảm ngày càng phai nhạt nên bà đã làm đơn yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T cũng xác nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng và đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà N. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn yêu thương, không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà Mai Vũ Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011827 ngày 09/2/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Mai Vũ Xuân N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Vũ Xuân N được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình do bà Mai Vũ Xuân N phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà N đã nộp theo biên lai số 0011827 ngày 09/2/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - TPHCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hải Sâm